Công Ty Cổ Phần Thủy Điện Sử Pán 2
Digitally signed by Công Ty Cổ Phần Thủy Điện Sử Pán 2
DN: C=VN, S=LÀO CAI, L=Thị xã Sa Pa, CN=Công Ty Cổ Phần Thủy Điện Sử Pán 2, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST: 5300226455
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2025-03-19 14:29:32
Foxit Reader Version: 9.7.0

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Hà Nội – Tháng 03 năm 2025

MỤC LỤC

Nội dung	**Trang**
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán riêng	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 – 31

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thủy điện Sử Pán 2 (dưới đây được gọi là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

CÔNG TY

Công ty cổ phần Thủy điện Sử Pán 2 (tiền thân là Công ty cổ phần Thủy điện Sông Đà – Hoàng Liên), được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 1203000045 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp lần đầu ngày 09/03/2006. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về ngành nghề kinh doanh, tên Công ty, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; địa chỉ của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần đầu đến lần thứ 21 ngày 25/03/2024; số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần đổi thành mã số doanh nghiệp số 5300226455 tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 07 ngày 25/11/2011.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5300226455 thay đổi lần thứ 21 ngày 25/03/2024 là 207.460.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm linh bảy tỷ bốn trăm sáu mươi triệu đồng*).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết trên sàn UPCOM với mã cổ phiếu SP2.

Trụ sở chính của Công ty tại thôn Hoàng Liên, xã Bản Hồ, thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Trần Đức Thành	Chủ tịch (*Miễn nhiệm từ ngày 15/03/2024*)
Ông Nguyễn Xuân Hồng	Chủ tịch (*Bổ nhiệm từ ngày 15/03/2024)*
Ông Nguyễn Quang Luân	Thành viên
Ông Nguyễn Phong Danh	Thành viên
Ông Mai Đình Nhật	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Hồng	Thành viên (*Miễn nhiệm từ ngày 15/03/2024*)
Ông Trần Đức Thành	Thành viên (*Bổ nhiệm từ ngày 15/03/2024*)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Quang Luân	Tổng Giám đốc
Ông Bùi Quang Chung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Quế Lâm	Phó Tổng Giám đốc

Ban kiểm soát

Ông Ngô Quang Tiến	Trưởng ban
Ông Phạm Văn Tuyền	Thành viên
Bà Hà Thị Hải Yến	Thành viên

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, ngoài sự kiện nêu trên không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM – Chi nhánh Miền Bắc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,
Tổng Giám đốc

M.S.D.N: 5300226455 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2 TX. SA PA - T. LÀO CAI

Nguyễn Quang Luân

Sa Pa, ngày 18 tháng 03 năm 2025

CPA VIETNAM
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
CHI NHÁNH MIỀN BẮC
Phòng 902, Tầng 9, Cao ốc Văn phòng VG Building,
Số 235 Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội
+84 (24) 7 306 1268 mienbac@cpavietnam.vn
+84 (24) 7 306 1269 www.cpavietnam.vn

INPACT MEMBER

Số: 05/2025/BCKT – CPAMB1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty cổ phần Thủy điện Sử Pán 2

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Thủy điện Sử Pán 2, được lập ngày 18/03/2025 từ trang 06 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Thủy điện Sử Pán 2 tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không nhằm phủ định ý kiến kiểm toán nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc báo cáo tài chính rằng: Tại thời điểm 31/12/2024, nợ ngắn hạn của Công ty đang vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền 376.236.831.978 đồng. Khoản lỗ lũy kế của Công ty tại ngày 01/01/2024 là 140.819.880.425 đồng và tại ngày 31/12/2024 là 86.851.854.604 đồng. Những điều kiện này đã chỉ ra sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể gây ra sự nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Vấn đề khác

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, đã được công ty kiểm toán khác kiểm toán. Báo cáo đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ về khả năng thu hồi khoản cho Công ty TNHH Sơn Lạc Viên vay do không có tài sản thế chấp, với số dư tại thời điểm 31/12/2023 là 45.670.000.000 đồng. Tuy nhiên, khoản cho vay này đã được Công ty thu hồi toàn bộ trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024.

Nguyễn Thị Hồng Liên	**Nguyễn Quỳnh Trang**
Giám đốc	**Kiểm toán viên**
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0445-2023-137-1	Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1469-2023-137-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM – CHI NHÁNH MIỀN BẮC

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2024	01/01/2024
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**97.594.643.176**	**101.386.624.046**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	5.1	**80.421.849.987**	**15.010.015.508**
1. Tiền	111		23.248.340.290	4.710.015.508
2. Các khoản tương đương tiền	112		57.173.509.697	10.300.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**16.879.921.926**	**86.121.465.337**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	15.077.037.163	31.554.702.494
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	94.104.458	2.987.583.313
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	-	45.670.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	1.708.780.305	5.909.179.530
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
IV. Hàng tồn kho	**140**	5.7	**126.486.000**	**85.272.000**
1. Hàng tồn kho	141		126.486.000	85.272.000
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**166.385.263**	**169.871.201**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	166.385.263	169.871.201
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**507.547.918.130**	**555.552.349.070**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		-	-
II. Tài sản cố định	**220**		**493.238.594.625**	**545.685.979.333**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	493.238.594.625	545.685.979.333
- Nguyên giá	*222*		*1.159.781.964.907*	*1.158.562.356.859*
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	*223*		*(666.543.370.282)*	*(612.876.377.526)*
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	*228*		-	-
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	*229*		-	-
III. Bất động sản đầu tư	**230**		-	-
- Nguyên giá	*231*		-	-
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	*232*		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	5.5	**1.250.000.000**	**1.250.000.000**
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		4.000.000.000	4.000.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(2.750.000.000)	(2.750.000.000)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**13.059.323.505**	**8.616.369.737**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	13.059.323.505	8.616.369.737
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**605.142.561.306**	**656.938.973.116**

CÔNG TY CP THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2
Thôn Hoàng Liên, xã Bản Hồ, thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2024	01/01/2024
A. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**486.497.965.636**	**592.262.403.267**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**473.831.475.154**	**389.394.854.371**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	2.375.938.276	4.721.120.339
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	3.204.799.506	3.285.411.942
4. Phải trả người lao động	314		1.919.417.510	2.307.540.491
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.12	256.171.823.778	295.997.680.004
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐ xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.13.1	1.902.748.414	1.902.748.414
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	6.340.389.166	6.404.304.675
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	201.916.358.504	74.776.048.506
II. Nợ dài hạn	**330**		**12.666.490.482**	**202.867.548.896**
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.13.2	11.416.490.482	13.319.238.896
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.14	1.250.000.000	1.250.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.15	-	188.298.310.000
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**118.644.595.670**	**64.676.569.849**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	5.16	**118.644.595.670**	**64.676.569.849**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		207.460.000.000	207.460.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*207.460.000.000*	*207.460.000.000*
- Cổ phiếu ưu đãi	*411b*		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(450.529.676)	(450.529.676)
3. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(1.513.020.050)	(1.513.020.050)
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(86.851.854.604)	(140.819.880.425)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*421a*		*(140.819.880.425)*	*(164.792.052.136)*
- LNST chưa phân phối kỳ này	*421b*		*53.968.025.821*	*23.972.171.711*
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**605.142.561.306**	**656.938.973.116**

Sa Pa, ngày 18 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
NGUYỄN THỌ HOÀNG	NGUYỄN THỌ HOÀNG	NGUYỄN QUANG LUÂN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Năm 2024	Năm 2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	178.427.247.618	151.133.481.582
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**		**178.427.247.618**	**151.133.481.582**
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	93.068.301.132	90.316.836.601
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**85.358.946.486**	**60.816.644.981**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	2.244.889.641	5.110.339.720
7. Chi phí tài chính	22	6.4	24.694.679.237	34.066.902.817
- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*24.694.679.237*	*33.999.864.791*
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	5.868.266.642	5.461.746.089
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**57.040.890.248**	**26.398.335.795**
11. Thu nhập khác	31	6.6	305.503.400	-
12. Chi phí khác	32	6.6	66.172.173	200.625.000
13. Lợi nhuận khác	**40**		**239.331.227**	**(200.625.000)**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**57.280.221.475**	**26.197.710.795**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	3.312.195.654	2.225.539.084
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**53.968.025.821**	**23.972.171.711**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	6.9	2.601	1.162
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	**71**		2.601	1.162

Sa Pa, ngày 18 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
NGUYỄN THỌ HOÀNG	NGUYỄN THỌ HOÀNG	NGUYỄN QUANG LUÂN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Năm 2024	Năm 2023
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	**01**	**57.280.221.475**	**26.197.710.795**
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02	54.680.677.974	54.545.223.138
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.550.393.041)	(5.110.339.720)
- Chi phí lãi vay	06	24.694.679.237	33.999.864.791
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	**08**	**134.105.185.645**	**109.632.459.004**
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	34.537.125.208	(8.368.736.305)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(41.214.000)	(38.769.500)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(17.074.404.188)	(2.122.783.579)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(4.439.467.830)	3.449.153.383
- Tiền lãi vay đã trả	14	(63.031.999.998)	(64.748.673.702)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.406.908.334)	(2.150.025.061)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**80.648.316.503**	**35.652.624.240**
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1.Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(2.765.062.593)	(32.000.000)
2.Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	837.272.727	-
3.Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(27.200.000.000)	(135.100.000.000)
4.Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	72.870.000.000	103.090.000.000
5.Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6.Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.179.307.844	720.036.721
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**45.921.517.978**	**(31.321.963.279)**
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1.Tiền thu từ đi vay	33	-	-
2.Tiền trả nợ gốc vay	34	(61.158.000.002)	(49.424.595.288)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**	**(61.158.000.002)**	**(49.424.595.288)**
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	**50**	**65.411.834.479**	**(45.093.934.327)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**15.010.015.508**	**60.103.949.835**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**	**80.421.849.987**	**15.010.015.508**

Sa Pa, ngày 18 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
NGUYỄN THỌ HOÀNG	NGUYỄN THỌ HOÀNG	NGUYỄN QUANG LUÂN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Thủy điện Sử Pán 2 (tiền thân là Công ty cổ phần Thủy điện Sông Đà – Hoàng Liên), được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 1203000045 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp lần đầu ngày 09/03/2006. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về ngành nghề kinh doanh, tên Công ty, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; địa chỉ của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần đầu đến lần thứ 21 ngày 25/03/2024; số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần đổi thành mã số doanh nghiệp số 5300226455 tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 07 ngày 25/11/2011.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5300226455 thay đổi lần thứ 21 ngày 25/03/2024 là 207.460.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm linh bảy tỷ bốn trăm sáu mươi triệu đồng*).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết trên sàn UPCOM với mã cổ phiếu SP2.

Trụ sở chính của Công ty tại Thôn Hoàng Liên, Xã Bản Hồ, Thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 34 người; cán bộ quản lý là 03 người (Tại ngày 31/12/2023, tổng số cán bộ nhân viên là 38 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là bán điện thương phẩm.

Hoạt động của Công ty bao gồm:

- *Sản xuất điện, truyền tải và phân phối điện (Chi tiết: Phân phối điện);*
- *Lắp đặt hệ thống điện;*
- *Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như: Thang máy, cầu thang tự động; Các loại cửa tự động; Hệ thống đèn chiếu sáng; Hệ thống hút bụi; Hệ thống âm thanh; Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí);...*

Hoạt động chính của Công ty trong năm là sản xuất điện.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2012/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc kế toán Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá gốc của hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của từng nhóm tài sản cố định như sau:

Tài sản	*Thời gian khấu hao*
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 25 năm
Máy móc thiết bị	05 - 18 năm
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 18 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05 năm

Nguyên tắc kế toán Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ tài chính. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 12 đến 84 tháng.

Các chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác bao gồm chi phí bảo hiểm, phí kiểm định thiết bị, chi phí sửa chữa tài sản cố định, chi phí hồ sơ cấp phép môi trường và chi phí phần mềm, tên miền và chữ ký số. Chi phí sửa chữa tài sản được phân bổ vào chi phí với thời gian phân bổ từ 24 đến 26 tháng; chi phí kiểm định được phân bổ từ 36 đến 60 tháng; chi phí hồ sơ cấp giấy phép môi trường được phân bổ trong 120 tháng và các chi phí còn lại được phân bổ với thời gian từ 24 đến 54 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Chi phí phải trả cuối kỳ là các khoản lãi vay, chi phí quyết toán dự án thủy điện và các khoản chi phí khác phải trả.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong kỳ phù hợp với thời gian thuê tài sản.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành bổ sung. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu của Công ty đã phát hành và được Công ty mua lại theo giá thực tế mua, bao gồm giá mua lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua lại cổ phiếu, như chi phí giao dịch, thông tin. Số tiền thu do tái phát hành hoặc bán cổ phiếu quỹ sau khi trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc tái phát hành hay bán cổ phiếu quỹ được tính vào phần vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu và doanh thu khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán điện thương phẩm và cho thuê đường dây.

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu từ tiền lãi và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá vốn của hàng hóa đã bán, dịch vụ đã cung cấp trong kỳ. Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Theo quy định tại khoản 4, điều 20 Thông tư số 78/2014/TT – BTC ngày 18/06/2014 của Bộ Tài chính, Công ty được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

+ *Thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn 15 năm đối thu nhập của các doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới thuộc các lĩnh vực nhà máy điện;*
+ *Thời gian miễn thuế là 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo đối với thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới;*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Tiếp theo)

Năm 2012, Công ty có doanh thu của dự án nhưng chưa phát sinh thu nhập chịu thuế được hưởng ưu đãi. Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024, Công ty đang được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế phải nộp đối với thu nhập từ dự án đầu tư mới và năm 2024 là năm thứ 06 được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế phải nộp.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bán điện thương phẩm và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý chủ yếu là Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo chuẩn mực này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Tiền mặt tại quỹ	459.908.506	44.680.279
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	22.788.431.784	4.665.335.229
Các khoản tương đương tiền (*)	57.173.509.697	10.300.000.000
Tổng	**80.421.849.987**	**15.010.015.508**

(*): Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại các ngân hàng thương mại, chi tiết như sau:

	31/12/2024 VND
+ Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tây Hồ (Lãi suất 2,1%/năm)	*17.973.509.697*
+ Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Láng Hạ (Lãi suất 2,1%/năm)	*35.000.000.000*
+ Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Lãi suất 1,6%/năm)	*4.200.000.000*
Tổng	**57.173.509.697**

5.2 Phải thu khách hàng ngắn hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Công ty Mua bán điện (*)	15.077.037.163	31.554.702.494
Tổng	**15.077.037.163**	**31.554.702.494**

(*): Quyền đòi nợ từ doanh thu bán điện của Dự án thủy điện Sử Pán 2 là tài sản thế chấp cho khoản vay của Công ty với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Lào Cai (Chi tiết tại Thuyết minh số 5.15).

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Công ty TNHH thiết bị Tân An Phát	16.524.000	-
Công ty TNHH MTV Quảng Ly	-	2.722.632.242
Công ty TNHH Xây lắp Quang Khải	-	164.967.354
Công ty TNHH MTV Kiến trúc An	51.000.000	-
Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế	-	44.000.000
Công ty CP Tư vấn đầu tư Á Châu	25.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	1.580.458	55.983.717
Tổng	**94.104.458**	**2.987.583.313**

5.4 Phải thu về cho vay

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Ngắn hạn	**-**	**45.670.000.000**
Công ty TNHH Sơn Lạc Viên (*i*)	-	45.670.000.000
Dài hạn	**-**	**-**
Tổng	**-**	**45.670.000.000**

(i): Khoản cho vay của Công ty TNHH Sơn Lạc Viên theo Hợp đồng vay vốn số 2311/2022/HĐVV/SP2-SLV ngày 23/11/2022 với số tiền vay 7.870.000.000 đồng và các phụ lục gia hạn; Hợp đồng vay vốn số 0401/2023/HĐVV/SP2-SLV ngày 04/01/2023 với số tiền vay 37.800.000.000 đồng và các phụ lục đính kèm. Mục đích cho vay để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH Sơn Lạc Viên. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo. Lãi suất cho vay là 7,7% - 8%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

5.5 Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Tỷ lệ		31/12/2024 (VND)			01/01/2024 (VND)		
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý (i)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con			-		-	-		-
Đầu tư vào công ty liên kết			**4.000.000.000**		**(2.750.000.000)**	**4.000.000.000**		**(2.750.000.000)**
Công ty CP Xây lắp Sông Đà - Hoàng Liên (*ii*)	40%	40%	4.000.000.000		(2.750.000.000)	4.000.000.000		(2.750.000.000)
Tổng			**4.000.000.000**		**(2.750.000.000)**	**4.000.000.000**		**(2.750.000.000)**

(i) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các công ty con và công ty liên kết tại ngày kết thúc kỳ tài chính do cổ phiếu và vốn của các công ty này chưa được niêm yết và các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

(ii) Công ty cổ phần Xây lắp Sông Đà - Hoàng Liên đã có thông báo tạm dừng hoạt động nhưng chưa hoàn tất thủ tục đóng mã số thuế doanh nghiệp nên Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đối với khoản đầu tư nêu trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

5.6 Các khoản phải thu khác

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Ngắn hạn	**1.708.780.305**	**5.909.179.530**
- Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
- Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	85.174.740	-
- Lãi dự thu từ các khoản cho vay	-	4.635.909.360
- Phải thu tạm ứng	962.468.605	1.191.172.950
- Phải thu khác	661.136.960	82.097.220
+ Phải thu Công ty CP công nghiệp Việt Long	*182.117.150*	*82.097.220*
+ Phải thu CN Công ty CP Xây dựng và thương mại 299 tại Lào Cai	*479.019.810*	-
Dài hạn	-	-
- Cầm cố, ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-
Tổng	**1.708.780.305**	**5.909.179.530**
Trong đó:		
Số dư các khoản phải thu khác với bên LQ	**7.000.000**	**5.001.000**
(Chi tiết tại thuyết minh số 7.1)		

5.7 Hàng tồn kho

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	*Dự phòng*	*Giá gốc*	*Dự phòng*
Nguyên liệu, vật liệu	126.486.000	-	85.272.000	-
Tổng	**126.486.000**	-	**85.272.000**	-

5.8 Chi phí trả trước

	31/12/2024 (VND)	01/01/2024 (VND)
Ngắn hạn	**166.385.263**	**169.871.201**
- Chi phí bảo hiểm	161.535.260	154.309.035
- Công cụ dụng cụ phân bổ	4.850.003	15.562.166
- Chi phí trả trước khác	-	-
Dài hạn	**13.059.323.505**	**8.616.369.737**
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định	5.908.434.772	6.814.086.173
- Công cụ dụng cụ phân bổ	6.223.609.702	891.614.228
- Chi phí kiểm định	555.018.251	-
- Chi phí hồ sơ cấp giấy phép môi trường	237.191.358	-
- Chi phí trả trước dài hạn khác	135.069.422	910.669.336
Tổng	**13.225.708.768**	**8.786.240.938**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

5.9 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	*Máy móc, trang thiết bị*	*Phương tiện vận tải*	*Thiết bị dụng cụ quản lý*	*TSCĐ hữu hình khác*	*Tổng cộng*
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2024	569.227.727.436	477.403.685.712	111.375.764.711	555.179.000	-	1.158.562.356.859
Mua trong năm	-	-	2.672.470.000	-	-	2.672.470.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	92.592.593	-	-	-	-	92.592.593
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.545.454.545)	-	-	(1.545.454.545)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2024	**569.320.320.029**	**477.403.685.712**	**112.502.780.166**	**555.179.000**	**-**	**1.159.781.964.907**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2024	274.088.057.347	274.740.584.063	63.537.666.944	510.069.172	-	612.876.377.526
Khấu hao trong năm	22.860.451.370	25.483.213.339	6.311.903.452	25.109.813	-	54.680.677.974
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.013.685.218)	-	-	(1.013.685.218)
Giảm khác		-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2024	**296.948.508.717**	**300.223.797.402**	**68.835.885.178**	**535.178.985**	**-**	**666.543.370.282**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2024	295.139.670.089	202.663.101.649	47.838.097.767	45.109.828	-	545.685.979.333
Tại ngày 31/12/2024	**272.371.811.312**	**177.179.888.310**	**43.666.894.988**	**20.000.015**	**-**	**493.238.594.625**

Trong đó: Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng *1.523.879.329* *đồng*

Nguyên giá TSCĐ tạm thời không sử dụng: *-* *đồng*

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố cho vay: *516.076.459.401* *đồng*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

5.10 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty cổ phần Sông Đà 12	-	-	2.737.964.535	2.737.964.535
Công ty TNHH XNK Hoa Thắng	228.842.125	228.842.125	228.842.125	228.842.125
Công ty TNHH Tư vấn tài chính C& P	392.200.000	392.200.000	392.200.000	392.200.000
Công ty CP Đầu tư thương mại và dịch vụ - Vinacomin	230.228.281	230.228.281	243.567.606	243.567.606
Chi nhánh Sông Đà 8.02	488.323.471	488.323.471	488.323.471	488.323.471
Công ty TNHH MTV KSXD Điện 1	236.332.814	236.332.814	236.332.814	236.332.814
Công ty Điện lực Lào Cai - CN Tổng công ty Điện lực Miền Bắc	509.803.351	509.803.351	-	-
Các nhà cung cấp khác	290.208.234	290.208.234	393.889.788	393.889.788
Tổng	**2.375.938.276**	**2.375.938.276**	**4.721.120.339**	**4.721.120.339**

5.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2024
Thuế giá trị gia tăng	611.067.726	12.843.385.848	(12.891.456.062)	562.997.512
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.225.539.084	3.312.195.654	(3.406.908.334)	1.130.826.404
Thuế thu nhập cá nhân	4.748.534	47.687.351	(45.058.581)	7.377.304
Thuế tài nguyên	555.993.010	15.118.311.813	(15.130.250.717)	544.054.106
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp	888.063.588	7.088.530.916	(7.017.050.324)	959.544.180
Tổng	**3.285.411.942**	**38.410.111.582**	**(38.490.724.018)**	**3.204.799.506**

5.12 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Chi phí phải trả công trình thủy điện theo quyết toán	3.830.092.863	3.830.092.863
Chi phí lãi vay phải trả (*)	252.253.628.915	292.052.985.141
Chi phí phải trả khác	88.102.000	114.602.000
Tổng	**256.171.823.778**	**295.997.680.004**

(*): Theo văn bản sửa đổi hợp đồng tín dụng số 03/2012 ngày 28/12/2012; bên cho vay và Công ty thống nhất điều chỉnh ngày thanh toán lãi như sau:

Công ty sẽ thanh toán lãi chưa thanh toán cộng dồn: (i) Vào ngày thanh toán lãi của kỳ hạn tính lãi tiếp theo và hạn cuối vào ngày 27/09/2025; (ii) Vào ngày thanh toán trước (trên khoản tiền được thanh toán trước); (iii) Vào ngày đến hạn (kể cả việc rút ngắn thời hạn khoản vay theo cách khác và; (iv) Ngay khi có yêu cầu (sau ngày đến hạn).

Các khoản lãi vay cộng dồn giữa ngân hàng và Công ty không có thỏa thuận cụ thể về lịch trình trả lãi, chỉ đảm bảo hạn cuối thanh toán vào ngày 27/09/2025. Hiện tại Công ty đã thỏa thuận với ngân hàng về việc kiểm soát các dòng tiền thu vào từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty để đảm bảo lịch trả nợ gốc và lãi cho ngân hàng theo đúng các văn bản thỏa thuận đã ký kết giữa hai bên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

5.13 Doanh thu chưa thực hiện

5.13.1 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	31/12/2024 (VND)	01/01/2024 (VND)
Doanh thu nhận trước hoạt động cho thuê đường dây	1.902.748.414	1.902.748.414
Tổng	**1.902.748.414**	**1.902.748.414**

5.13.2 Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	31/12/2024 (VND)	01/01/2024 (VND)
Doanh thu nhận trước hoạt động cho thuê đường dây	11.416.490.482	13.319.238.896
Tổng	**11.416.490.482**	**13.319.238.896**

5.14 Phải trả khác

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	**6.340.389.166**	**6.340.389.166**	**6.404.304.675**	**6.404.304.675**
Kinh phí công đoàn	289.657.737	289.657.737	250.557.737	250.557.737
Các khoản phải trả khác	6.050.731.429	6.050.731.429	6.153.746.938	6.153.746.938
+ Phải trả Tổng Công ty bảo hiểm BIDV	*5.500.000.000*	*5.500.000.000*	*5.500.000.000*	*5.500.000.000*
+ Thuế GTGT đầu ra chưa xuất hóa đơn	*546.402.067*	*546.402.067*	*572.329.785*	*572.329.785*
+ Phải trả khác	*4.329.362*	*4.329.362*	*81.417.153*	*81.417.153*
Dài hạn	**1.250.000.000**	**1.250.000.000**	**1.250.000.000**	**1.250.000.000**
Vốn ủy thác của cán bộ CNV để đầu tư vào Công ty CP Xây lắp Sông Đà - Hoàng Liên	1.250.000.000	1.250.000.000	1.250.000.000	1.250.000.000
Tổng	**7.590.389.166**	**7.590.389.166**	**7.654.304.675**	**7.654.304.675**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

5.15 Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2024 (VND)		Trong năm		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	**23.632.272.506**	**23.632.272.506**	**-**	**(2.000.000.000)**	**25.632.272.506**	**25.632.272.506**
Tổng Công ty Sông Đà (i)	23.632.272.506	23.632.272.506	-	(2.000.000.000)	25.632.272.506	25.632.272.506
+ Gốc vay	*5.591.787.103*	*5.591.787.103*	-	*(2.000.000.000)*	*7.591.787.103*	*7.591.787.103*
+ Lãi vay nhập gốc	*18.040.485.403*	*18.040.485.403*	-	-	*18.040.485.403*	*18.040.485.403*
Vay dài hạn đến hạn trả	**178.284.085.998**	**178.284.085.998**	**188.298.310.000**	**(59.158.000.002)**	**49.143.776.000**	**49.143.776.000**
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Lào Cai	89.473.342.962	89.473.342.962	92.343.200.000	(29.022.906.038)	26.153.049.000	26.153.049.000
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - CN Hà Nội	88.810.743.036	88.810.743.036	95.955.110.000	(30.135.093.964)	22.990.727.000	22.990.727.000
Vay dài hạn	-	-	-	**(188.298.310.000)**	**188.298.310.000**	**188.298.310.000**
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Lào Cai (ii)	-	-	-	(92.343.200.000)	92.343.200.000	92.343.200.000
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - CN Hà Nội (ii)	-	-	-	(95.955.110.000)	95.955.110.000	95.955.110.000
Tổng	**201.916.358.504**	**201.916.358.504**	**188.298.310.000**	**(249.456.310.002)**	**263.074.358.506**	**263.074.358.506**

(i) Khoản vay với Tổng Công ty Sông Đà theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 06/2011/HĐTĐ/TĐSĐ-SĐHL ngày 16/09/2011 với số dư gốc vay là 15 tỷ đồng. Phần lãi vay phát sinh hàng năm của khoản vay này và phần lãi trả chậm phát sinh từ khoản nợ phải trả người bán được Công ty nhập gốc nợ vay, lũy kế đến thời điểm 01/01/2019 là 18.040.485.403 đồng.

(ii) Khoản vay dài hạn theo hợp đồng tài trợ giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai và Tổng Công ty Tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam (nay là Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam) cùng các văn bản sửa đổi bổ sung của Hợp đồng tín dụng số 03/2012/HĐ ngày 28/12/2012 và số 01/2013/HĐ ngày 17/05/2013. Tổng hạn mức vay tối đa là 813.817.430.279 đồng; thời hạn vay là 216 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (thời gian ân hạn là 48 tháng). Lãi suất vay hiện tại là 10,1%/năm. Tài sản thế chấp là toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Thủy điện Sử Pán 2 cùng Quyền sử dụng đất tại Dự án Thủy điện Sử Pán 2 của Công ty (Thuyết minh số 5.9) và quyền đòi nợ giá trị từ doanh thu bán điện Dự án thủy điện Sử Pán 2 (Thuyết minh số 5.2).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

5.16 Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư đầu năm trước	**207.460.000.000**	**(450.529.676)**	**(1.513.020.050)**	**(164.792.052.136)**	**40.704.398.138**
Tăng vốn điều lệ	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	23.972.171.711	23.972.171.711
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước/đầu năm nay	**207.460.000.000**	**(450.529.676)**	**(1.513.020.050)**	**(140.819.880.425)**	**64.676.569.849**
Tăng vốn điều lệ	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	53.968.025.821	53.968.025.821
Tăng khác	-	-	-	-	-
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	**207.460.000.000**	**(450.529.676)**	**(1.513.020.050)**	**(86.851.854.604)**	**118.644.595.670**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/06/2024 (VND)	01/01/2024 (VND)
Công ty TNHH Năng lượng REE	59.568.000.000	59.568.000.000
Công ty CP Năng lượng An Xuân	52.044.300.000	52.044.300.000
Công ty CP Đầu tư khu công nghiệp Việt Nam	33.885.500.000	33.885.500.000
Ông Mai Đình Nhật	21.114.500.000	21.114.500.000
Các cổ đông khác	40.847.700.000	40.847.700.000
Tổng	**207.460.000.000**	**207.460.000.000**

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:

	Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024	Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	207.460.000.000	207.460.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	207.460.000.000	207.460.000.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2024 Cổ phiếu	01/01/2024 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	**20.746.000**	**20.746.000**
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	**20.746.000**	**20.746.000**
Cổ phiếu phổ thông	20.746.000	20.746.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	**20.746.000**	**20.746.000**
Cổ phiếu phổ thông	20.746.000	20.746.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

5.17 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2024 (VND)	01/01/2024 (VND)
Ông Bùi Khắc Hoàng	825.000.000	825.000.000
Dự án Nậm Củn	14.654.688.095	14.654.688.095
Công ty TNHH Phủ Đức	875.036.951	875.036.951
Công ty CP xây dựng Đại Phúc	331.284.942	331.284.942
Công ty CP Thương mại và xây lắp 368	47.464.154	47.464.154
Xí nghiệp điện cao thế Miền Bắc	311.500.000	311.500.000
Công ty TNHH Luật TNHH VFI	270.500.000	270.500.000
Văn phòng luật sư (kiện SD 7)	50.000.000	50.000.000
Công ty Luật TNHH Vinabiz	15.000.000	15.000.000
Ông Trương Quang Thịnh	298.964.000	298.964.000
Tổng	**17.679.438.142**	**17.679.438.142**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán điện thương phẩm	176.524.499.204	149.230.733.168
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê đường dây	1.902.748.414	1.902.748.414
Doanh thu dịch vụ khác	-	
Tổng	**178.427.247.618**	**151.133.481.582**

6.2 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá vốn bán điện thương phẩm	92.489.500.796	89.633.363.066
Giá vốn cung cấp dịch vụ cho thuê đường dây	578.800.336	683.473.535
Giá vốn dịch vụ khác	-	-
Tổng	**93.068.301.132**	**90.316.836.601**

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền gửi, trái phiếu, tiền cho vay	2.244.889.641	5.110.339.720
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	-
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	-	-
Tổng	**2.244.889.641**	**5.110.339.720**

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí lãi vay	24.694.679.237	33.999.864.791
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	-
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư	-	-
Chi phí tài chính khác	-	67.038.026
Tổng	**24.694.679.237**	**34.066.902.817**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)

6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	3.542.242.316	3.585.739.784
Chi phí đồ dùng văn phòng	9.880.334	8.881.437
Chi phí khấu hao TSCĐ	420.584.416	273.575.748
Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	-
Thuế, phí và lệ phí	27.438.187	10.960.030
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.228.998.696	1.035.293.162
Chi phí khác bằng tiền	639.122.693	547.295.928
Tổng	**5.868.266.642**	**5.461.746.089**

6.6 Thu nhập khác và chi phí khác

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu nhập khác	**305.503.400**	**-**
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ và CCDC	305.503.400	-
- Xử lý công nợ	-	-
- Các khoản khác	-	-
Chi phí khác	**66.172.173**	**200.625.000**
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ và CCDC	-	-
- Tiền phạt và truy thu thuế	65.902.173	200.625.000
- Các khoản khác	270.000	-
Thu nhập khác/Chi phí khác (thuần)	**239.331.227**	**(200.625.000)**

6.7 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	72.426.834	279.222.937
Chi phí nhân công	8.978.871.864	9.028.000.328
Chi phí khấu hao TSCĐ	54.680.677.974	54.545.223.138
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.742.495.911	11.740.908.368
Chi phí khác bằng tiền	1.462.095.191	20.185.227.919
Tổng	**98.936.567.774**	**95.778.582.690**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế	**57.280.221.475**	**26.197.710.795**
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận/(lỗ) theo kế toán	**358.360.372**	**190.000.000**
Chi phí không được trừ	358.360.372	190.000.000
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Thu nhập không chịu thuế (do đã tính vào năm trước)	-	-
Lợi nhuận/(lỗ) điều chỉnh trước thuế chưa trừ lỗ năm trước	**57.638.581.847**	**26.387.710.795**
Thu nhập tính thuế TNDN	**57.638.581.847**	**26.387.710.795**
Thu nhập chịu thuế của hoạt động được hưởng ưu đãi	*54.770.138.149*	*20.347.520.501*
Thu nhập chịu thuế của hoạt động không hưởng ưu đãi	*2.868.443.734*	*6.040.815.294*
Thuế suất thuế TNDN		
Thuế suất ưu đãi (hoạt động bán điện thương phẩm)	*5%*	*5%*
Thuế suất hoạt động kinh doanh thông thường	*20%*	*20%*
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu (thừa) năm trước	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.312.195.654	2.225.539.084
Chi phí thuế TNDN hiện hành	**3.312.195.654**	**2.225.539.084**

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	53.968.025.821	23.972.171.711
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	53.968.025.821	23.972.171.711
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	20.746.000	20.623.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	**2.601**	**1.162**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong kỳ

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty cổ phần Xây lắp Sông Đà - Hoàng Liên	Công ty liên kết
Công ty TNHH Năng lượng REE	Cổ đông lớn
Công ty cổ phần năng lượng An Xuân	Cổ đông lớn
Công ty cổ phần Đầu tư khu công nghiệp Việt Nam	Cổ đông lớn
Ông Mai Đình Nhật	Cổ đông lớn/Thành viên HĐQT
Các thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này	Ảnh hưởng đáng kể

a. Thu nhập Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Thù lao trả cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc của Công ty phát sinh trong năm, chi tiết như sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tiền lương và phụ cấp	1.969.978.000	1.919.614.099
Cộng	**1.969.978.000**	**1.919.614.099**

Thù lao Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức danh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Ông Đoàn Hải Chiến	Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 08/04/2023)	-	227.720.000
Ông Trần Đức Thành	Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 15/03/2024)	205.040.000	368.080.000
Ông Nguyễn Xuân Hồng	Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm ngày 15/03/2024)	483.691.428	49.470.000
Ông Nguyễn Phong Danh	Thành viên	48.000.000	48.000.000
Ông Mai Đình Nhật	Thành viên	48.000.000	48.000.000
Tổng		**784.731.428**	**741.270.000**

Tiền lương của Ban Giám đốc và những người quản lý khác

Họ và tên	Chức danh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Ông Nguyễn Quang Luân	Tổng Giám đốc	129.360.000	211.040.000
Ông Bùi Quang Chung	Phó Tổng Giám đốc	284.000.000	311.800.000
Ông Bùi Quế Lâm	Phó Tổng Giám đốc	397.628.476	326.422.813
Bà Bùi Lan Hương	Kế toán trưởng (miễn nhiệm từ ngày 02/12/2024)	254.258.096	209.081.286
Tổng		**1.065.246.572**	**1.058.344.099**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024

7. THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Tiền lương của Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức danh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Ông Nguyễn Trương Tiến Đạt	Trưởng ban kiểm soát (miễn nhiệm ngày 08/04/2023)	-	16.000.000
Ông Ngô Quang Tiến	Trưởng ban kiểm soát (bổ nhiệm ngày 08/04/2023)	48.000.000	32.000.000
Ông Phạm Văn Tuyền	Thành viên	36.000.000	36.000.000
Bà Hà Thị Hải Yến	Thành viên	36.000.000	36.000.000
Tổng		**120.000.000**	**120.000.000**

b. Giao dịch với bên liên quan

Các bên có liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tạm ứng				
Ông Bùi Quang Chung	Phó Tổng Giám đốc	Tạm ứng	11.411.200	-
Ông Bùi Quang Chung	Phó Tổng Giám đốc	Hoàn ứng	9.412.200	-

c. Số dư với các bên liên quan

Các bên có liên quan	Mối quan hệ	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải thu khác		**7.000.000**	**5.001.000**
Ông Bùi Quang Chung	Phó Tổng Giám đốc	7.000.000	5.001.000

7.2 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ ngoài sự kiện nêu trên có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc niên độ kế toán.

7.3 Giả định hoạt động liên tục

Tại thời điểm 31/12/2024, nợ ngắn hạn của Công ty đang vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền 376.236.831.978 đồng. Khoản lỗ lũy kế của Công ty tại ngày 01/01/2024 là 140.819.880.425 đồng và tại ngày 31/12/2024 là 86.851.854.604 đồng. Những điều kiện này đã chỉ ra sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể gây ra sự nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc nhận thấy lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động kinh doanh trong những năm gần đây vẫn có giá trị dương và kết quả kinh doanh của Công ty trong những năm gần đây đều có lãi. Do đó, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024 được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục là phù hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024

7. THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)

7.4 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên báo cáo tài chính là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế.

Sa Pa, ngày 18 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
NGUYỄN THỌ HOÀNG	NGUYỄN THỌ HOÀNG	NGUYỄN QUANG LUÂN